

**TOÀ ÁN NH5 DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DSST– ST

Ngày: 01/7/2022

*V/v: Tranh chấp về thừa
kế tài sản*

**NH5 DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NH5 DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Hội thẩm nH5 dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Bà Vũ Thị H2 - Thư ký Tòa án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nH5 dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên Tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.*

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nH5 dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-DSST ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2022/QĐST- DSST ngày 28 tháng 4 năm 2022, quyết định hoãn phiên Tòa số 22/2022 ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khu NH5 Cầu 1, thị trấn HH, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

1.2. Chị Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1969. Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường TL, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 12, ngõ 7, đường Nguyễn Trãi, tổ 2, phường PK, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

1.3. Chị Nguyễn Thị Thương H3, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn ĐL2, xã PX, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Xuân H1, chị Nguyễn Thị Hồng H2 và chị Nguyễn Thị Thương H3 là bà Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1963. Hộ khẩu thường trú: Tổ 13, phường GT, quận LB, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền ngày 06/12/2021 của anh H1, chị H3 và chị H2).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H4, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số nhà 12, ngõ 111, đường NT, tổ 4, phường PK, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Xuân H5, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Phòng 8-11, chung cư F5, đô thị mới YH, phường Y H, quận CG, thành phố Hà Nội.

3. 1. Cháu Nguyễn Thị Minh H6, sinh năm 1989.

3. 2. Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1996. Điều nơi cư trú: 8-11C3, tầng 8, CC11T, nhà F5, đô thị mới YH, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội.

3.3. Cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/7/1994

3.4. Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 11/5/1998. Điều nơi cư trú: Số nhà 12, ngõ 111, tổ 04, phường PK, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3.5. Cháu Phạm Minh T, sinh ngày 13/11/2003. Địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 7, đường Nguyễn Trãi, tổ 2, phường PK, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3.6. Cháu Vũ Văn N, sinh ngày 25/01/1998.

3.7. Cháu Vũ Minh K, sinh ngày 26/9/2008. Điều nơi cư trú: Thôn ĐL 2, xã PX, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Đại diện theo pháp luật của cháu Vũ Minh K là Chị Nguyễn Thị Thương H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn Đ L2, xã PX, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt: *anh H1, chị Huyền, chị H2, bà Nga, chị H4, anh H5, cháu K, cháu Đ; vắng mặt: Cháu H, cháu Đ, cháu T, cháu N, cháu K*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn chị H3 trình bày:** Bố chị là Nguyễn Xuân B, sinh năm 1937, chết năm 2017 và mẹ chị là bà Trần Thị Q, sinh năm 1937, chết năm 2010, có năm người con gồm:

1.1. Nguyễn Xuân H5

1.2. Nguyễn Xuân H1

1.3. Nguyễn Thị Hồng H2

1.4. Nguyễn Thị Thương H3

1.5. Nguyễn Thị Phương H4

Bố mẹ chị không có con riêng, không có con nuôi. Khi chết bố mẹ chị không để lại di chúc. Di sản của bố mẹ chị để lại gồm: Thửa đất số 105 (nay là thửa 252), tờ bản đồ số 20, có địa chỉ thửa đất tại: Tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, diện tích 46,5m², đất ở đô thị, tài sản trên đất là một ngôi nhà mái bằng 2 tầng và mẹ chị để lại di sản là 05 thửa ruộng. Chị H3 là người nộp thuế 05 thửa ruộng trên. Hiện nay chị đang trực tiếp quản lý thửa ruộng cạnh cây đa Thần Bùng và thửa ruộng sau ông Ry. Đối với thửa được mại cho chú M (là chú họ) sử dụng; còn thửa cạnh Yết hiện nay đang bỏ H1g không có ai canh tác. Nguồn gốc di sản của bố mẹ chị để lại là do bố mẹ chị bán 02 thửa đất tại thôn Đồng Trang, xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình được 90.000.000 đồng và mua thửa đất 105 (nay là thửa 252) của ông Hưởng và bà Nuột với giá 91.000.000 đồng. Việc chị H4 khẳng định đã góp 20 triệu để mua đất chung với bố mẹ chị là không có căn cứ, vì bố mẹ chị không nói gì về việc chị H4 góp chung, không có giấy tờ gì về việc chị H4 góp tiền chung với bố mẹ chị, anh H5 và chị H4 cũng không trao đổi gì với 03 anh em chị về việc chị H4 góp tiền mua đất và bản thân chị H4 cũng không nói gì với chị cũng như anh H1 và chị H3 về việc chị H4 góp tiền để mua đất với bố chị. Cuộc họp gần nhất về việc chia tài sản của bố mẹ chị khi bố chị còn sống vào thời điểm tháng 10/2015, bố chị và anh H5 và chị H4 cũng không ai có ý kiến gì về việc chị H4 góp tiền để mua chung thửa đất với bố mẹ chị. Vào cuối năm 2006, bố mẹ chị mua đất xây nhà tại thửa đất 105, tiền xây nhà tại địa chỉ trên là của bố mẹ chị và khi hoàn thiện gần xong ngôi nhà trên bố mẹ chị có vay của các con mỗi người một ít nhưng sau khi bán được phần còn lại nhà đất ở thôn Đồng Trang bố mẹ chị đã hoàn trả lại các con, không nợ ai và còn dư 20.000.000 đồng, bố chị đưa cho anh H5 giữ tiết kiệm, chị H2 khẳng định chị H4 góp 35.000.000 đồng xây nhà là hoàn toàn không có vì khi đó chị H4 vừa ly hôn chồng, một mình nuôi hai con ăn học và phải lo cuộc sống cho bản thân nên không có số tiền lớn để góp với bố mẹ chị xây nhà. Việc chị H4 vay tiền của anh H5 là để mua ki ốt ở chợ Đề Thám chứ không phải góp tiền cho bố mẹ mua đất và xây nhà. Như vậy, chứng minh số tiền 35.000.000 đồng xây nhà và 20.000.000 đồng mua đất mà anh H5 và chị H4 khai là sai sự thật. Về việc tu sửa và tôn tạo di sản như sau: Năm 2014, năm 2016, khi bố chị còn sống bố chị đã tu sửa ngôi nhà: Chống thấm do nứt mái che, cất bê tông, cất bể nước, làm mái che cầu thang. Năm 2014, bố chị sửa hết 3.500.000 đồng, trong đó chị cho 1.000.000 đồng, còn 2.500.000 đồng bố chị bỏ ra trả công thuê thợ sửa chữa. Sau đó bố chị bán sắt cất bỏ bê tông ra được 500.000 đồng, chị H4 không bỏ ra

đồng nào, chị H4 khai sửa nhà bỏ 5.000.000 đồng là sai sự thật. Những năm sau khi bố mẹ chết chị H4 ở và sử dụng ngôi nhà và tự ý tu sửa để cưới vợ cho con trai nhưng không hỏi ý kiến và không thông báo cho chị và anh H1 cũng như chị H3 nên số tiền chị H4 tu sửa chị không chấp nhận tính vào tiền chung của ngôi nhà rồi trừ đi (Tính % giá trị như chị H4 đã khai). Khi bố chị nằm viện chị H4 đóng 1.000.000 đồng tiền ngỗ chung các anh chị em trong nhà hoàn toàn nhất trí. Năm 2016, bố chị còn sống đã thuê hút bể phốt. Chị H4 khai hút bể phốt 4.000.000 đồng là hoàn toàn sai sự thật. Năm 2017, chị H4 có khai 49 ngày bố chị, chị H4 bỏ tiền để đánh véc ni cầu thang, bàn ghế 1.200.000 đồng, phun sơn cửa xếp 500.000 đồng, làm chạn bát 1.400.000 đồng chị không đồng ý vì đây là sửa chữa phục vụ cuộc sống cho mẹ con chị H4. Khi bố mẹ chị chết căn nhà trên là di sản chung, mẹ con chị H4 ở nhờ nhà bố mẹ chị khi sửa chữa phải được sự đồng ý của mọi người nên chị không chấp nhận. Năm 2018, chị H4 đóng 02 cửa thông phòng ở tầng, 01 cửa sổ 5.500.000 đồng, trát tường cạnh nhà anh Hạp khi phá dỡ tường cũ 1.200.000 đồng chị không đồng ý những khoản đóng góp tu sửa căn nhà trên theo tỷ lệ phần % hình thành nhà đất như chị H4 đã khai. Tháng 4/2021 chị H4 khai đã phá bể nước trên mái chống thấm nhà 4,5 triệu chị cũng không đồng ý. Việc xây mộ và sang cát của bố mẹ chị đã xong. Số tiền sang cát cho mẹ chị và hoàn thiện hai ngôi mộ của bố mẹ 20.000.000 đồng. Sau khi bán phần đất còn lại và ngôi nhà ở quê để thanh toán vật liệu công thợ và hoàn thiện mua sắm nội thất trong nhà và hoàn trả số tiền bố mẹ chị đã vay các con còn dư 20.000.000 đồng (bố mẹ chị đưa cho anh H5 gửi tiết kiệm) và sau khi mẹ chị mất, bố chị lo hậu sự cho mẹ chị còn dư 20.000.000 đồng (Bố chị đưa chị H4 gửi tiết kiệm) còn việc chị H4 khai chị H4 và anh H5 bỏ tiền ra xây mộ cho bố mẹ chị, ba anh em các chị không bỏ tiền ra là không đúng (Vì vẫn còn tiền của bố mẹ để lại). Chị H4 khai ngoài việc bố chị còn nợ tiền ngỗ chung là 01 triệu đồng, ngoài ra không nợ gì ai. Chị H2 đề nghị anh H5 và chị H4 thanh toán minh bạch số tiền: 20.000.000 đồng sau khi bố mẹ hoàn thiện ngôi nhà số 12, tổ 4 (Anh H5 gửi tiết kiệm); 20.000.000 đồng sau khi bố chị lo hậu sự cho mẹ chị; 03 tháng lương của bố chị khi bố chị nằm viện; tiền 55 tuổi Đảng của bố chị; tiền chi phí sang cát và hoàn thiện hai ngôi mộ của bố và mẹ chị có hóa đơn chứng từ cụ thể; không chấp nhận việc chị H4 góp với bố mẹ mua đất và xây nhà; không chấp nhận anh H5 khai mua thiết bị vệ sinh là 10.000.000 đồng; tiền mua lễ tết; tiền thăm hỏi họ hàng, chấp nhận nghĩa vụ nộp làm ngỗ chung 1.000.000 đồng và đồng ý chia vàng cho 7 cháu, mỗi cháu một chỉ bằng 5.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của

ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Q để lại là thửa đất số 105 (nay là thửa 252); tờ bản đồ số 20; địa chỉ thửa đất: tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, diện tích là 46,5 m², đất ở đô thị và tài sản trên đất là một ngôi nhà 02 tầng, mái bằng. Đối với di sản là 05 thửa ruộng, một bộ bàn ghế, một tủ lạnh và một tủ gỗ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H2, anh H1 hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị Huyền.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương H4 trình bày: Nguyên đơn trình bày về hoàn cảnh gia đình cũng như thời điểm bố mẹ chị chết là đúng. Bố mẹ chị chết không để lại di chúc và cũng không có con nuôi, con riêng. Di sản bố mẹ chị để lại như nguyên đơn trình bày là đúng. Nguồn gốc di sản do bố mẹ chị bán hai thửa đất ở thôn Đồng Trang, xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình được 90.000.000 đồng và mua mảnh đất này cuối năm 2006. Mảnh đất này bố mẹ chị mua của ông Hưởng, bà Nuột với giá 88.700.000 đồng và làm thủ tục giấy tờ hết tổng là 91.000.000 đồng. Trong đó, bố mẹ chị bỏ ra 70.000.000 đồng, còn chị đóng góp 20.000.000 đồng vào cuối năm 2006 mua đất. Bố mẹ chị đồng ý để chị đóng góp mua đất, sau khi mua đất xong thì bố mẹ chị làm nhà. Mục đích chị đóng góp để mua đất ở cùng bố mẹ vì tại thời điểm mua đất này chị đã ly thân chồng, đến cuối năm 2006 chị làm xong thủ tục ly hôn với chồng. Việc góp tiền lúc đó có bố mẹ chị và anh H5 chứng kiến chứ không có giấy tờ gì. Mua đất khoảng một tháng sau thì bố mẹ chị xây nhà vào khoảng cuối năm 2006. Bố mẹ chị bán nốt nhà đất ở thôn Đồng Trang, xã Hồng An, huyện Hưng Hà được 92.000.000 đồng để xây nhà hai tầng hiện tại. Chị vay của anh H5 35.000.000 đồng để góp tiền xây nhà với bố mẹ chị. Đến năm 2014, chị đã trả tiền cho anh H5. Đến năm 2007, chị và con trai chị Nguyễn Tiến Đ về ở cùng với bố mẹ chị. Hiện hai mẹ con chị đều đăng ký hộ khẩu tH6trú tại số nhà 12, ngõ 111, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và cháu mới lên Hà Nội làm được một năm. Vào năm 2014, 2016, khi bố chị còn sống có tu sửa vào di sản chống thấm do nứt mái, cắt bể nước, làm mái che cầu thang. Năm 2014, chị góp 2.000.000 đồng, năm 2016, chị góp 3.000.000 đồng với bố để sửa nhà. Khi bố đang nằm viện, chị có nghĩa vụ thay cho bố chị đóng 1.000.000 đồng tiền làm ngõ đi chung. Chị đóng cho ông Đồng trước đây là tổ trưởng tổ 4 cũ (nay là tổ 3), phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình. Năm 2016, chị hút bể phốt cho bố mẹ 4.000.000 đồng. Đến năm 2017, qua 49 ngày bố chị, chị đánh véc ni cầu thang, bàn ghế trong nhà 1.200.000 đồng, phun sơn cửa xếp 500.000 đồng, làm chạn bát, xung quanh bếp 1.400.000 đồng. Năm 2018, chị sửa nền nhà bị vỡ, đóng 2 cửa thông phòng ở tầng 2, một cửa sổ

5.500.000 đồng; trát tường ngoài cạnh nhà anh Hạp khi phá tường cũ 1.200.000 đồng. Khoảng tháng 4/2021, chị phá bể nước trên mái, chống thấm mái nhà 4.500.000 đồng. Sau khi bố chết, chị là người quản lý di sản. Con trai chị ở cùng chị nhưng vẫn phụ thuộc vào chị. Khi bố chị còn sống, ông đóng thuế đất, còn sau khi bố chết thì không phải đóng thuế đất do quy định của nhà nước thay đổi. Việc ma chay giỗ tết của bố mẹ chị chủ yếu do chị và anh H5 chịu trách nhiệm. Việc ma chay của bố mẹ chị đã xong. Việc chăm sóc bố mẹ khi còn sống chủ yếu do chị chăm sóc và con chị, anh H5 phụ giúp. Năm 2019, chị, anh H5 đã xây mộ, sang cát cho mẹ, xây mộ cho bố. Các anh em khác không đóng góp. Bố mẹ chị không nợ ai gì, không ai nợ bố mẹ chị. Di sản hiện không thể chấp cho ai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc do anh H5 đang giữ. Ngoài di sản trên còn hai thửa ruộng của mẹ chị, một thửa ruộng ở cây đa Thần Bùng thuộc thôn Tú Mậu, xã Hồng An, huyện Hưng Hà có diện tích 250m², mang tên mẹ chị, sổ chứng nhận chị H3 đang giữ. Một ruộng ở sau ông Ri, ở thôn Đồng Trang, xã Hồng An, huyện Hưng Hà có diện tích 155m². Hai thửa ruộng này mẹ chị được nhà nước cấp từ năm 1993, đến nay chưa bị thu hồi. Trước đây ruộng này do bố mẹ chị sử dụng, đến năm 2007, chị H3 là người sử dụng, nộp tH2, thu H4 lợi. Mảnh ruộng sau ông Ri một vụ trồng màu, một vụ trồng lúa/01 năm, còn ruộng ở cây đa Thần Bùng trồng hai vụ lúa/01 năm. Do chị hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng đã ly hôn và không có chỗ ở còn những anh em khác đều có chỗ ở ổn định, chị xin hưởng di sản bằng hiện vật và thanh toán chênh lệch di sản cho những người thừa kế khác. Còn tiền sửa chữa, tôn tạo ngôi nhà và tiền đóng tiền ngõ thay cho bố chị, chị yêu cầu thanh toán lại cho chị. Chị có nguyện vọng sử dụng mảnh ruộng ở sau ông Ri, giao cho chị H3 sử dụng mảnh ruộng ở cây đa Thần Bùng, chị và chị H3 có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch hai mảnh ruộng trên cho những người thừa kế khác. Ngoài ra khi bố chị còn sống, bố chị đã cho các cháu, con anh H1, con chị H2 mỗi cháu một chỉ vàng và ông hứa sẽ cho tất cả các cháu mỗi cháu một chỉ vàng khi các cháu xây dựng gia đình. Chị yêu cầu Tòa án xem xét khi chia di sản của bố mẹ chị, chia cho 7 cháu mỗi cháu một chỉ vàng trong phần di sản của bố mẹ chị để lại. Một chỉ vàng giá hiện tại là khoảng 5.000.000 đồng. Chị đồng ý chia di sản nhà đất ở tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, do chị muốn giữ lại ngôi nhà để làm nơi thờ cúng nên chị có nguyện vọng sở hữu nhà, sử dụng đất và thanh toán tiền chênh lệch di sản cho những người thừa kế khác.

*** Ngày 14/12/2021, chị Nguyễn Thị Phương H4 bị đơn có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết:**

1. Yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 20.000.000 đồng khoản tiền mà chị góp mua đất và 35.000.000 đồng khoản tiền chị góp xây nhà chung với bố mẹ chị tại thửa số 105 (nay thửa 252), tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, diện tích là 46,5 m², đất ở đô thị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ chị nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các đồng thừa kế phải trả chị tổng số tiền là 55.000.000 đồng mà chị góp mua đất và xây nhà cho bố mẹ chị theo tỷ lệ % vốn góp hình thành nên ngôi nhà năm 2007 quy đổi sang thời điểm năm 2022.

2. Yêu cầu được hưởng số tiền 18.100.000 đồng là khoản tiền chị tôn tạo tu sửa vào di sản của bố mẹ chị tại thửa đất số 105 (nay thửa 252), tờ bản đồ số 20, tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình. Cụ thể: Năm 2014, góp tiền sửa nhà 2.000.000 đồng; năm 2016, góp tiền sửa nhà 3.000.000 đồng; năm 2016, đóng góp làm ngõ chung thay cho bố 1.000.000 đồng; năm 2016 hút bể phốt 4.000.000 đồng; năm 2017, đánh véc ni cầu thang, bàn ghế 1.200.000 đồng; phun sơn cửa xếp 500.000 đồng; làm chạn bát 1.400.000 đồng; năm 2018, sửa nền nhà bị vỡ 500.000 đồng; tháng 4/2021, phá bể nước trên mái chống thấm 4.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu trát tường nhà cạnh nhà anh H, hai cửa thông phòng, 01 cửa sổ 5.000.000 đồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Chị không yêu cầu giải quyết đất ruộng.

4. Chị nhất trí thỏa thuận chia vàng cho 07 cháu mỗi cháu một chỉ vàng bằng với 5.000.000 đồng/1 chỉ.

***Anh Nguyễn Xuân H5 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:** Bố mẹ anh sinh được 5 người con như nguyên đơn và bị đơn trình bày là đúng. Bố mẹ anh không có con riêng, không có con nuôi. Sau khi chết bố mẹ anh không để lại di chúc. Di sản bố mẹ anh để lại gồm: Thửa đất số 105 (nay thửa 252), tờ bản đồ số 20, có địa chỉ tại: Tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, diện tích 46,5m², đất ở đô thị, tài sản trên đất là một ngôi nhà mái bằng hai tầng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Q. Ngoài ra, bố mẹ anh để lại di sản là ruộng. Bố mẹ anh không nợ ai. Khi mẹ anh chết, anh là người đứng ra lo liệu tổ chức đám tang, lễ tuần, lễ 49 ngày, lễ 100 ngày cho mẹ, chi phí là 37.600.000 đồng. Theo anh tất cả các con đều phải có nghĩa vụ với cha mẹ nên chi phí tang lễ phải chia đều cho cả 5 anh em, mỗi người có nghĩa vụ phải đóng góp 7.526.000 đồng. Tuy nhiên anh H1 không đóng góp, chị H2 góp 7.300.000 đồng, chị H3 góp 2.500.000 đồng, chị

H4 đóng góp 1.800.000 đồng, còn lại anh phải bỏ ra 18.424.000 đồng (tại thời điểm năm 2010) đến nay chưa thu hồi được. Như vậy, anh yêu cầu anh H1 phải trả: 28.700.000 đồng; chị H2 phải trả: 11.720.000 đồng; chị H3 phải trả: 22.800.000 đồng. Trong quá trình bố mẹ anh xây nhà, anh đóng góp 10.000.000 đồng gồm: Toàn bộ gạch ốp 2 công trình phụ: 2.300.000 đồng, thiết bị hai nhà vệ sinh: 1.800.000 đồng, máy bơm nước: 1.000.000 đồng, cánh cổng: 1.000.000 đồng, rào sắt trên tường trước: 700.000 đồng, cửa sổ tầng hai 3 cái: 2.300.000 đồng, cánh cửa ra vào tầng 2: 900.000 đồng. Việc anh đóng góp chị H4 có biết. Chị H4 đóng góp với bố mẹ 55.000.000 đồng tiền mua đất, xây nhà, việc đóng góp của chị H4 anh không chứng kiến mà nghe bố anh kể lại. Trong số tiền chị H4 đóng góp với bố mẹ, chị H4 vay anh 35.000.000 đồng nhưng đã trả hết vào năm 2014. Đối với việc làm đám tang, giỗ lễ của bố anh mọi người có đóng góp và đã chi trả xong nên anh không có yêu cầu gì. Khi bố anh còn sống có hứa trước mặt các con là cho 9 cháu mỗi cháu 1 chỉ vàng làm quà kỉ niệm khi lập gia đình, khi còn sống, ông đã cho cháu Dũng con anh H1 và cháu Thảo con chị H2. Còn lại 7 cháu do ông đã chết nên chưa thực hiện được. Việc chị H4 trình bày là đúng tuy nhiên anh không yêu cầu về việc chia 7 chỉ vàng cho 7 cháu. Anh muốn thực hiện đúng di nguyện của bố anh trước khi chết là để cho chị H4 được sử dụng đất, sở hữu nhà cho đến khi chị H4 không có nhu cầu sử dụng nữa thì năm anh em sẽ bàn bạc để chia di sản trên. Nếu trong trường hợp buộc phải chia di sản trên thì anh đề nghị Tòa án cho chị H4 được sử dụng đất, sở hữu nhà đối với thửa đất trên và thanh toán lại tiền chênh lệch cho bốn anh em. Cụ thể sau khi đã trừ đi phần đóng góp, tu sửa di sản của anh và chị H4 thì chia tổng giá trị di sản làm sáu phần, mỗi anh em một phần, một phần cho chị H4 hưởng do chị H4 có công chăm sóc bố mẹ khi còn sống và thờ cúng. Đối với đất ruộng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ngày 21/12/2021, anh Nguyễn Xuân H5 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết:**

1. Yêu cầu trả anh là 10.000.000 đồng khoản tiền anh góp chung với bố mẹ anh để xây nhà: Toàn bộ gạch ốp 2 công trình phụ: 2.300.000 đồng, thiết bị hai nhà vệ sinh: 1.800.000 đồng, máy bơm nước: 1.000.000 đồng, cánh cổng: 1.000.000 đồng, rào sắt trên tường trước: 700.000 đồng, cửa sổ tầng hai 3 cái: 2.300.000 đồng, cánh cửa ra vào tầng hai: 900.000 đồng của tổng giá trị nhà tại thời điểm năm 2007, quy đổi ra giá trị tại thời điểm năm 2022.

2. Yêu cầu anh Nguyễn Xuân H1 phải trả cho anh 28.700.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng H2 phải trả cho anh 11.720.000 đồng, chị Nguyễn Thị

Thương H3 phải trả cho anh 22.800.000 đồng là nghĩa vụ đóng góp tổ chức đám tang, lễ tuần, lễ 49 ngày, lễ 100 ngày cho mẹ và chi phí bốc mộ cho mẹ, xây mộ cho cả bố và mẹ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu H, cháu Đ, cháu K, cháu Đ, cháu T, cháu N, cháu K đều nhất trí nhận mỗi cháu 01 chỉ vàng bằng 5.000.000 đồng/1 chỉ vàng.

*Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nH5 dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã cơ bản tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân H1, chị Nguyễn Thị Hồng H2 và chị Nguyễn Thị Thương H3 về việc: Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B và bà Q theo pháp luật.

- Xác định di sản của bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Xuân B để lại diện tích 46,5m², đất ở tại đô thị, tại số thửa 252, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Số 12, ngõ 111, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 340488 mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Q) và tài sản trên đất một nhà hai tầng. Tổng giá trị di sản 717.620.000 đồng.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Phương H4 được sử dụng: 46,5m², đất ở tại đô thị, số thửa 252, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Số 12, ngõ 111, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và một nhà 2 tầng trên diện tích đất trên.

- Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho anh H1, chị H2, chị H3 và anh H5 mỗi người là 113.770.000 đồng. Buộc chị H4 thanh toán cho 07 cháu mỗi cháu 5.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị H4 về việc góp mua đất và xây nhà cho bố mẹ chị là ông B và bà Q theo tỷ lệ % vốn góp hình thành nên ngôi nhà năm 2007 quy đổi sang thời điểm năm 2022.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh H5 yêu cầu các đồng thừa kế trả anh 10.000.000 đồng khoản tiền anh đã góp chung với bố mẹ anh xây nhà

của tổng giá trị nhà tại thời điểm năm 2007, quy đổi ra giá trị tại thời điểm năm 2022.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh H5 về việc buộc anh H1 phải trả 28.700.000 đồng, chị H2 phải trả 11.720.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thương H3 phải trả 22.800.000 đồng cho anh là nghĩa vụ đóng góp tổ chức đám tang, lễ tuần, lễ 49 ngày, lễ 100 ngày cho mẹ và chi phí bốc mộ cho mẹ, xây mộ cho cả bố và mẹ. Tổng số tiền phải trả là 63.220.000 đồng. Ngoài ra, đề nghị chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Tại phiên Tòa cháu H, cháu Đ, cháu T, cháu N, cháu K đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được thông báo hợp lệ. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Xác định di sản thừa kế, giá trị di sản, hiện trạng, quá trình sử dụng di sản: Đồng nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Q để lại là 46,5 m², đất ở tại đô thị, số thửa 252, tờ bản đồ số 20; địa chỉ thửa đất: Số 12, ngõ 111, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 340488 mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Q và tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng, đất ruộng, một bộ bàn ghế, một tủ lạnh và một tủ gỗ.

[2.2]. Theo kết quả định giá tổng giá trị quyền sử dụng đất và nhà trên đất: $(13.000.000 \text{ đồng}/1 \text{ m}^2 \times 46,5 \text{ m}^2) + 113.120.000 \text{ đồng}$ là nhà trên đất = 717.620.000 đồng (Bảy trăm mười bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) là tổng di sản.

[3]. Xét về diện thừa kế và kỷ phần:

[3.1]. Ngày 12/01/2010, bà Trần Thị Q chết; ngày 06/3/2017, ông Nguyễn Xuân B chết. Bà Q, ông B chết đều không để lại di chúc nên di sản của bà Q, ông B được chia theo pháp luật và hàng thừa kế thứ nhất của bà Q, ông B gồm: Anh H5, anh H1, chị H2, chị H4 và chị H3.

[3.2]. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thỏa thuận cho 07 cháu mỗi cháu một chỉ vàng làm quà kỷ niệm, mỗi chỉ

vàng bằng 5.000.000 đồng sẽ trích chia từ di sản của ông B, bà Q cho các cháu gồm: Cháu H, cháu Đ, cháu K, cháu Đ, cháu T, cháu K và cháu N. Xét sự thỏa thuận của các đồng thừa kế là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức, xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[4]. Tổng di sản của ông B, bà Q là 717.620.000 đồng – 35.000.000 đồng (Khoản tiền vàng cho 07 cháu) = 682.620.000 đồng. Do vậy, diện thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q, ông B có 5 kỷ phần + 01 suất thừa kế mà chị H4 được hưởng (chị H4 người quản lý di sản, thờ cúng và trách nhiệm giỗ tết) nên áp dụng theo án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH5 dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao xác định trong vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thì cần xem xét công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cụ thể người quản lý, duy trì và phát triển khối di sản thừa kế được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật. Chị H4 yêu cầu Tòa án cho chị được hưởng khoản tiền chị đã tu sửa vào di sản của bố mẹ chị tại thửa đất số 252 với tổng số tiền là 18.100.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền chị H4 yêu cầu đã được Tòa án xem xét là khoản tiền sửa chữa nhà “và đây là chi phí cho việc bảo quản di sản” nên số tiền trên đã được Tòa án chấp nhận và tính trong 1 suất thừa kế. Vì vậy, 5 suất thừa kế + 1 suất trông coi và chi phí bảo quản di sản (Chi phí sửa chữa di sản) = 6 suất. Vì vậy, di sản còn lại $682.620.000 \text{ đồng} : 6 = 113.770.000 \text{ đồng/suất}$. Trong đó, chị H4 được hưởng $2 \text{ suất thừa kế} \times 113.770.000 \text{ đồng/suất} = 227.540.000 \text{ đồng}$, anh H5, anh H1, chị H2 và chị H3 mỗi người được hưởng 1 suất thừa kế là 113.770.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Anh H1 không yêu cầu bố mẹ anh phải trả anh 63.096.000 đồng khoản tiền bố mẹ anh đã bán đất ở và đất % đất tiêu chuẩn của anh để sử dụng vào việc xây nhà nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Yêu cầu Tòa án giải quyết việc chi góp chung với bố mẹ chị 20.000.000 đồng khoản tiền góp mua đất và 35.000.000 đồng khoản tiền góp xây nhà tại thửa số 252 nên chị yêu cầu các đồng thừa kế phải trả chị tổng số tiền 55.000.000 đồng tiền mà chị góp mua đất và xây nhà cho bố mẹ chị theo tỷ lệ % vốn góp hình thành nên ngôi nhà năm 2007 quy đổi sang thời điểm năm 2022.

[6.1]. Đối với việc chị H4 góp tiền mua đất: Chị H4 góp 20.000.000 đồng để mua đất cùng với bố mẹ năm 2007, mua mảnh đất giá 91.000.000 đồng, chị yêu cầu chia tỷ lệ đến 2022, giá trị đất năm 2022 = 604.500.000 đồng, do đó

20.000.000 đồng tương đương với 21,98 % của mảnh đất, cụ thể $20.000.000 \text{ đồng} \times 100\% : 91.000.000 \text{ đồng} = 21,98\%$. Vậy, năm 2022 giá trị được hưởng mảnh đất là: $21,98\% \times 604.500.000 \text{ đồng} : 100\% = 132.869.100 \text{ đồng}$.

[6.2]. Đối với việc chị H4 góp tiền xây nhà: Năm 2007, chị H4 góp 35.000.000 đồng để xây nhà cùng bố mẹ. Thời điểm năm 2007, các đương sự khai xây nhà 140.000.000 đồng, vì vậy $35.000.000 \text{ đồng} \times 100\% : 140.000.000 \text{ đồng} = 25\%$; định giá xây nhà năm 2022 là 1m^2 xây dựng nhà mái bằng = 4.000.000 đồng/ 1m^2 vậy $80,8\text{m}^2 \times 4.000.000 \text{ đồng} = 323.200.000 \text{ đồng}$. Khấu hao sử dụng từ năm 2007 đến năm 2022 giá trị nhà chỉ còn sử dụng là 35% vậy, quy ra tiền là: $113.120.000 \text{ đồng} \times 25\% = 28.280.000 \text{ đồng}$. Đối với yêu cầu trên, chị H4 không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh về việc góp chung tiền mua đất, xây nhà như hợp đồng, giấy tờ chứng minh về việc góp tiền xây nhà và mua đất với bố mẹ chị. Chị H4 chứng minh có vay, đã trả anh H5 55.000.000 đồng thể hiện tại giấy nộp tiền kiêm bảng kê của Ngân hàng Dong A Bank để góp tiền mua đất với bố mẹ chị tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy việc chuyển tiền giữa chị H4 và anh H5 không thể hiện nội dung giao dịch vay tiền để góp vốn mua đất chung bố mẹ, do vậy, tài liệu, chứng cứ chị H4 cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền góp vốn mua đất 132.869.100 đồng và số tiền góp vốn xây nhà 28.280.000 đồng. Tổng số tiền là 161.149.100 đồng.

[6.3]. Đối với yêu cầu trát tường nhà cạnh nhà anh Hạp và hai cửa thông phòng, một cửa sổ 5.000.000 đồng chị H4 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7]. Xét yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Xuân H5:

[7.1]. Anh H5 yêu cầu các đồng thừa kế trả anh 10.000.000 đồng khoản tiền anh đã góp chung với bố mẹ anh xây nhà của tổng giá trị nhà tại thời điểm năm 2007, quy đổi ra giá trị tại thời điểm năm 2022. Hội đồng xét xử xét thấy, Anh H5 góp xây nhà 10.000.000 đồng năm 2007; $10.000.000 \text{ đồng} \times 100\% : 140.000.000 \text{ đồng} = 7,14\%$. Định giá nhà thời điểm năm 2022, như sau: 1m^2 xây dựng nhà mái bằng = 4.000.000 đồng/ 1m^2 . Vậy, $80,8\text{m}^2 \times 4.000.000 \text{ đồng} = 323.200.000 \text{ đồng}$ khấu hao sử dụng từ năm 2007 đến năm 2022 giá trị nhà chỉ còn lại là 35% sử dụng $323.200.000 \times 35\% = 113.120.000 \text{ đồng}$. Vậy quy ra số tiền anh H5 được hưởng $7,14\% \times 113.120.000 \text{ đồng} = 8.076.700 \text{ đồng}$. Đối với yêu cầu trên, anh H5 không xuất trình được hợp đồng, giấy tờ chứng minh về việc góp chung tiền xây nhà với ông B, bà Q, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của anh H5 với tổng số tiền 8.076.700 đồng.

[7.2]. Anh H5 yêu cầu anh H1 phải trả cho anh 28.700.000 đồng, chị H2 phải trả cho anh 11.720.000 đồng, chị H3 phải trả cho anh 22.800.000 đồng là nghĩa vụ đóng góp tổ chức đám tang, lễ tuần, lễ 49 ngày, lễ 100 ngày cho mẹ và chi phí bốc mộ cho mẹ, xây mộ cho cả bố và mẹ. Tổng số tiền anh H1, chị H2, chị H3 phải trả 63.220.000 đồng. Đối với yêu cầu trên, anh H5 kê khai các khoản thanh toán chi phí lo ma chay cho mẹ anh nhưng không có người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của anh H5.

[8]. Xét về chia di sản thừa kế theo hiện vật và theo giá trị, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng được hưởng thừa kế theo hiện vật được sở hữu nhà, sử dụng đất và thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác. Hội đồng xét xử xét thấy các đồng nguyên đơn đã có nhà ở ổn định, bị đơn đang trực tiếp quản lý di sản, đang sinh sống tại thửa đất trên. Vì vậy, di sản trên không chia được bằng hiện vật mà cần giao cho chị H4 sở hữu nhà và sử dụng đất. Chị H4 phải có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[9]. Đối với đất ruộng, một bộ bàn ghế, một tủ lạnh và một tủ gỗ các bên đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[10]. Về chi phí tố tụng: Anh H5, anh H1, chị H2, chị H3 mỗi người phải nộp chi phí tố tụng 967.000 đồng (Đã làm tròn). Chị H4 phải nộp chi phí tố tụng 967.000 đồng (Đã làm tròn) $\times 2 = 1.934.000$ đồng. Anh H1 đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 5.800.000 đồng nên các đương sự phải hoàn trả cho anh H1 số tiền chi phí tố tụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11]. Về án phí:

[11.1]. Chị H4 phải nộp án phí như sau: Đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận tổng số tiền 161.149.100 đồng $\times 5\%$ (án phí) = 8.057.400 đồng. Chị H4 phải nộp án phí theo phần được hưởng 2 suất thừa kế là 227.540.000 đồng $\times 5\%$ (án phí) = 11.377.000 đồng. Tổng số tiền án phí chị H4 phải nộp 19.434.400 đồng trừ số tiền chị H4 đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng. Chị H4 phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm 17.434.400 đồng.

[11.2]. Anh H5 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm như sau: Do yêu cầu độc lập của anh không được Tòa án chấp nhận nên anh H5 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 63.220.000 đồng $\times 5\%$ (án phí) = 3.161.000 đồng; 8.076.700 đồng $\times 5\%$ (án phí) = 403.800 đồng. Anh H5 phải nộp án phí theo phần được hưởng là 113.770.000 đồng $\times 5\%$ (án phí) = 5.688.500 đồng. Tổng số tiền anh H5 phải nộp án phí 9.253.300 đồng. Tuy nhiên, anh H5 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho

anh H5 là phù hợp với quy định của pháp luật. Trả lại anh H5 số tiền tạm ứng án phí mà anh H5 đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình số tiền là 1.000.000 đồng theo biên lai số 0000452 ngày 22/12/2021.

[11.3]. Anh H1, chị H2 và chị H3 mỗi người phải nộp: 5.688.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11.4]. Đối với án phí dân sự sơ thẩm các cháu H, cháu Đ, cháu K, cháu Đ, cháu T, cháu N, cháu K phải nộp như sau: Các đồng thừa kế đã thỏa thuận thống nhất mỗi cháu được hưởng 1 chỉ vàng bằng 5.000.000 đồng thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch và các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau trong trường hợp Tòa án đã tiến hành hòa giải trước khi mở phiên Tòa nên các cháu trên phải nộp mỗi cháu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[12]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân H1, chị Nguyễn Thị Hồng H2 và chị Nguyễn Thị Thương H3 về việc: Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B và bà Q theo pháp luật.

2. Xác định di sản của bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Xuân B để lại diện tích 46,5m², đất ở tại đô thị, tại số thửa 252, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Số 12, ngõ 111, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 340488 mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị Q) và tài sản trên đất một nhà hai tầng. Tổng giá trị di sản 717.620.000 đồng.

3. Chia cho chị Nguyễn Thị Phương H4 được sử dụng diện tích 46,5m², đất ở tại đô thị, tại số thửa 252, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Số 12, ngõ 111, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và một nhà hai tầng trên diện tích đất trên có tứ cận như sau: Phía Đông giáp ngõ dài 4,72 m; phía Nam giáp đất ở nhà ông Nghĩa dài 9,69 m; phía Tây giáp đất ở nhà ông Giao dài 4,71 m; phía Bắc giáp đất ở nhà ông Vinh dài 10,06 m. (Có sơ đồ kèm theo bản án).

3.1. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho anh Nguyễn Xuân H1 113.770.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

3.2. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Hồng H2 113.770.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

3.3. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thương H3 113.770.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

3.4. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho anh Nguyễn Xuân H5 113.770.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho cháu H6 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4.1 Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho cháu Đức 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4.2. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho cháu Khánh 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4.3. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho cháu Đạt 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4.4. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho cháu Thu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4.5. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho cháu Ninh 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4.6. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H4 phải thanh toán cho cháu Khang 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu phân tố của chị H4 về việc góp mua đất và xây nhà cho bố mẹ chị là ông B và bà Q theo tỷ lệ % vốn góp hình thành nên ngôi nhà năm 2007 quy đổi sang thời điểm năm 2022 là: 161.149.100 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh H5 yêu cầu các đồng thừa kế trả anh 10.000.000 đồng khoản tiền anh đã góp chung với bố mẹ anh xây nhà của tổng giá trị nhà tại thời điểm năm 2007, quy đổi ra giá trị tại thời điểm năm 2022 là: 8.076.700 đồng.

6.1. Không chấp nhận yêu cầu của anh H5 về việc buộc anh H1 phải trả 28.700.000 đồng, chị H2 phải trả 11.720.000 đồng, chị H3 phải trả 22.800.000 đồng cho anh là nghĩa vụ đóng góp tổ chức đám tang, lễ tuần, lễ 49 ngày, lễ 100

ngày cho mẹ và chi phí bốc mộ cho mẹ, xây mộ cho cả bố và mẹ. Tổng số tiền phải trả 63.220.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Chị H2, chị H3 mỗi người phải hoàn trả số tiền 967.000 đồng cho anh H1 đã nộp tiền chi phí tố tụng. Anh H5 phải hoàn trả số tiền 967.000 đồng cho anh H1 đã nộp tiền chi phí tố tụng. Chị H4 phải hoàn trả số tiền 1.934.000 đồng cho anh H1 đã nộp tiền chi phí tố tụng.

8. Về án phí:

8.1. Chị H4 phải nộp 19.434.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối trừ số tiền chị H4 đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000453 ngày 23/12/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình. Chị H4 phải nộp tiếp 17.434.400 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Xuân H5. Trả lại anh Nguyễn Xuân H5 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

8.3. Anh Nguyễn Xuân H1 phải nộp: 5.688.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối trừ số tiền 3.000.000 đồng anh H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000377 ngày 27/10/2021. Anh H1 phải nộp tiếp 2.688.500 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8.4. Chị Nguyễn Thị Hồng H2 phải nộp: 5.688.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối trừ số tiền 3.000.000 đồng chị H2 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000378 ngày 27/10/2021. Chị H2 phải nộp tiếp 2.688.500 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8.5. Chị Nguyễn Thị Thương H3 phải nộp: 5.688.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối trừ số tiền 3.000.000 đồng chị H3 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000379 ngày 27/10/2021. Chị H3 phải nộp tiếp 2.688.500 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8.6. Cháu H, cháu Đ, cháu K, cháu Đ, cháu T, cháu N, cháu K mỗi cháu phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NH5 DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải
- Các đương sự
- UBND xã Bắc Hải.
- PKT Giám đốc.
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh

